

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing And Informatic Services Company Limited

**Office:** 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
**Tel:** (84.28) 3832 9129 (10 Lines) **Fax:** (84.28) 3834 2957  
**Email:** info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



No: B1017364-R1/AISC - DN4

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi:

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGÂN HÀNG HUA NAN COMMERCIAL BANK, LTD**  
**CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh**, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 04 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh** tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2018*



**Phạm Văn Vinh**

Số ĐKHNKT: 0112-2018-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Trần Hải Sơn**

Số ĐKHNKT: 2172-2018-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi : 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 St., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi

Tel : (84.24) 3782 0045 / 46 Fax : (84.24) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn

Branch in Da Nang : 350 Hai Phong St., Thanh Khue Dist., Da Nang City

Tel : (84.236) 3715 619

Fax : (84.236) 3715 620 Email: danang@aisc.com.vn

Representative in Can Tho : 243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist., Can Tho City

Tel : (84.292) 3813 004

Fax : (84.292) 3828 765

Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist., Hai Phong

Tel : (84.225) 356 9577


Fax : (84.225) 3569 576

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

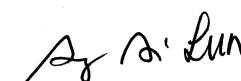
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

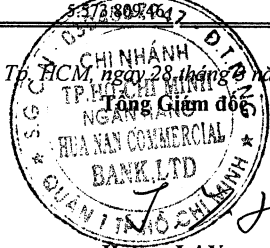
CHỈ TIÊU	TM	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016
		USD	USD	qui đổi triệu VND	qui đổi triệu VND
<b>A. TÀI SẢN</b>					
<b>I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>V.01</b>	<b>1.247.560,60</b>	<b>593.534,71</b>	<b>27.977</b>	<b>13.310</b>
<b>II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước</b>	<b>V.02</b>	<b>28.972.167,19</b>	<b>10.710.273,05</b>	<b>649.701</b>	<b>240.178</b>
<b>III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác</b>	<b>V.03</b>	<b>118.497.755,25</b>	<b>108.283.276,91</b>	<b>2.657.312</b>	<b>2.428.253</b>
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		104.897.675,25	93.083.116,91	2.352.330	2.087.389
2. Cho vay các TCTD khác		13.600.080,00	15.200.160,00	304.982	340.864
<b>VI. Cho vay khách hàng</b>		<b>134.376.825,88</b>	<b>92.391.935,14</b>	<b>3.013.400</b>	<b>2.071.889</b>
1. Cho vay khách hàng	V.06.1	135.422.759,19	93.123.476,12	3.036.855	2.088.294
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.06.2	(1.045.933,31)	(731.540,98)	(23.455)	(16.405)
<b>IX. Tài sản cố định</b>		<b>141.219,74</b>	<b>159.880,68</b>	<b>3.166</b>	<b>3.585</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	85.506,26	102.769,44	1.917	2.305
a. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		582.664,88	638.926,20	13.066	14.328
b. Hao mòn tài sản cố định hữu hình		(497.158,62)	(536.156,76)	(11.149)	(12.023)
3. Tài sản cố định vô hình	V.12	55.713,48	57.111,24	1.249	1.280
a. Nguyên giá tài sản cố định vô hình		335.625,78	315.778,51	7.526	7.081
b. Hao mòn tài sản cố định vô hình		(279.912,30)	(258.667,27)	(6.277)	(5.801)
<b>XI. Tài sản có khác</b>		<b>558.542,14</b>	<b>529.398,93</b>	<b>12.525</b>	<b>11.872</b>
1. Các khoản phải thu	V.14.1	67.584,18	162.181,45	1.515	3.637
2. Các khoản lãi, phí phải thu		485.159,78	358.220,06	10.880	8.033
4. Tài sản Có khác	V.14.2	5.798,17	8.997,42	130	202
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>283.794.070,80</b>	<b>212.668.299,41</b>	<b>6.364.081</b>	<b>4.769.087</b>
<b>B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>					
<b>II. Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>V.17</b>	<b>150.370.303,95</b>	<b>83.482.357,87</b>	<b>3.372.054</b>	<b>1.872.092</b>
1. Tiền gửi của các TCTD khác		100.370.303,95	33.482.357,87	2.250.804	750.842
2. Vay các TCTD ở nước ngoài		50.000.000,00	50.000.000,00	1.121.250	1.121.250
<b>III. Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>V.18</b>	<b>48.505.423,74</b>	<b>46.722.210,41</b>	<b>1.087.734</b>	<b>1.047.746</b>
<b>VII. Các khoản nợ khác</b>		<b>475.961,33</b>	<b>354.249,85</b>	<b>10.673</b>	<b>7.944</b>
1. Các khoản lãi, phí phải trả		104.539,17	55.293,76	2.344	1.240
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.21	371.422,16	298.956,09	8.329	6.704
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>199.351.689,01</b>	<b>130.558.818,13</b>	<b>4.470.461</b>	<b>2.927.782</b>
<b>VIII. Vốn và các quỹ</b>	<b>V.23</b>	<b>84.442.381,79</b>	<b>82.109.481,28</b>	<b>1.893.620</b>	<b>1.841.305</b>
1. Vốn của TCTD		65.000.000,00	65.000.000,00	1.457.625	1.457.625
a. Vốn điều lệ		65.000.000,00	65.000.000,00	1.457.625	1.457.625
2. Quỹ của TCTD		2.916.357,25	2.566.422,17	65.399	57.552
5. Lợi nhuận chưa phân phối		16.526.024,54	14.543.059,11	370.596	326.128
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>283.794.070,80</b>	<b>212.668.299,41</b>	<b>6.364.081</b>	<b>4.769.087</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>					
CHỈ TIÊU	TM	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016
<b>I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	<b>VIII.38</b>	<b>11.302.359,13</b>	<b>26.932.031,31</b>	<b>253.455,00</b>	<b>603.951,00</b>
1. Bảo lãnh vay vốn		8.200.000,00	11.000.000,00	183.885	246.675
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		3.102.359,13	10.358.221,85	69.570	232.283
5. Bảo lãnh khác		-	-	-	124.993

Người lập biểu

  
 Tăng Lê Lệ

Kế toán trưởng

  
 Sung Ai Lun

TP. HCM, ngày 28 tháng 12 năm 2018  
 Tổng Giám đốc  
  
 HUANG JUI YEN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập trong tự	VI.24	147.567	115.681
2. Chi phí lãi và các chi phí trong tự	VI.25	47.156	37.789
<b>I. Thu nhập lãi thuần (1-2)</b>		<b>100.411</b>	<b>77.892</b>
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		14.961	13.370
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		1.615	1.583
<b>II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (3-4)</b>	VI.26	<b>13.346</b>	<b>11.787</b>
<b>III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	VI.27	<b>3.516</b>	<b>3.403</b>
<b>IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	VI.28	-	-
<b>V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	VI.29	-	-
5. Thu nhập từ hoạt động khác		133	575
6. Chi phí hoạt động khác		-	-
<b>VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (5-6)</b>	VI.31	<b>133</b>	<b>575</b>
<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	VI.30	-	-
<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	VI.32	<b>44.624</b>	<b>41.524</b>
<b>IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (I+II+III+IV+V+VI+VII - VIII)</b>		<b>72.782</b>	<b>52.133</b>
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		7.050	3.114
<b>XI. Tổng lợi nhuận trước thuế (IX-X)</b>		<b>65.732</b>	<b>49.019</b>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		13.417	10.115
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
<b>XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (7+8)</b>	VI.33	<b>13.417</b>	<b>10.115</b>
<b>XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (XI-XII)</b>		<b>52.315</b>	<b>38.904</b>

Tp. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Lập bảng

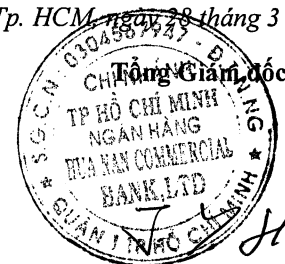


Tăng Lệ Lệ

Kế toán trưởng



Sung Ai Lun



Huang Jui Yen